

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3355 /UBND-TH
V/v đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế
hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2026-2030 và năm 2026

Lào Cai, ngày 30 tháng 4 năm 2026

Kính gửi:

- Các Ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
- Ban Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng số 01 tỉnh;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực: Trần Yên; Yên Bình; Nghĩa Lộ; Bắc Hà; Bảo Yên; Bát Xát; Mường Khương; Si Ma Cai; Bảo Thắng; Văn Bàn; Sa Pa; Lào Cai - Cốc San; Cam Đường - Hợp Thành.

Thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “hai con số”; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư; đẩy nhanh tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; Công văn số 5302/BTC-NSNN ngày 28/4/2026 của Bộ Tài chính về việc đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, hiệu quả đầu tư đối với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án dự kiến thực hiện giai đoạn 2026-2030 tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thành xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

1. Các đơn vị đã được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án dự kiến thực hiện giai đoạn 2026-2030 hoặc đã phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng đang thực hiện lập dự án (chưa quyết định đầu tư) hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án có bổ sung hạng mục mới thì hồ sơ đề xuất, dự án cần bảo đảm các nội dung sau:

(1) Báo cáo về sự cần thiết đầu tư của dự án, trong đó làm rõ:

- Căn cứ pháp lý, căn cứ chính trị của việc đề xuất dự án (chủ trương của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của quốc gia, ngành, địa phương; các cam kết quốc tế, nếu có);

- Vấn đề thực tiễn mà dự án giải quyết; bất cập, điểm nghẽn sẽ được tháo gỡ, lợi ích của dự án sau khi đầu tư (khuyến khích đưa ra các số liệu định lượng cụ thể); hậu quả, rủi ro nếu không đầu tư hoặc đầu tư chậm tiến độ;

(2) Báo cáo đánh giá sự phù hợp của dự án với một trong các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, bao gồm: quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan. Trường hợp dự án triển khai trên địa bàn chưa có quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc chưa phù hợp với quy hoạch, nhưng phải bảo đảm phù hợp với định hướng quy hoạch (phải báo cáo rõ phương án xử lý và cam kết của cơ quan chủ trì phê duyệt quy hoạch).

(3) Báo cáo sơ bộ hiệu quả đầu tư của dự án, trong đó phần đầu lượng hóa tối đa hiệu quả đầu tư thay cho việc sử dụng các đánh giá định tính, cụ thể:

- Hiệu quả tài chính đối với dự án có khả năng thu hồi vốn;

- Hiệu quả kinh tế - xã hội: Đóng góp của dự án vào tăng trưởng GDP/GRDP (nếu có cơ sở tính toán), thu ngân sách, tạo việc làm, cải thiện thu nhập, giảm nghèo; đóng góp vào nâng cao chất lượng an sinh xã hội, văn hóa, y tế, giáo dục; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; phát triển liên kết vùng, liên kết ngành;

- Đối với dự án không lượng hóa được đầy đủ hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội: phân tích, đánh giá tác động trực tiếp và tác động gián tiếp của dự án; lượng hóa một phần các tác động có thể lượng hóa và mô tả đầy đủ các tác động định tính, tránh đánh giá chung chung;

- Đánh giá sơ bộ tác động xã hội (ảnh hưởng đến dân cư, tái định cư, sinh kế, văn hóa cộng đồng); đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Phân tích, lựa chọn sơ bộ công nghệ, kỹ thuật; phân tích, lựa chọn sơ bộ các phương án đầu tư và quy mô các hạng mục đầu tư.

(4) Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn, bao gồm:

- Tổng mức đầu tư sơ bộ (đối với dự án đang ở bước đề xuất chủ trương đầu tư) hoặc tổng mức đầu tư đã được phê duyệt (đối với dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư); phương pháp xác định tổng mức đầu tư; các khoản mục chi phí chính;

- Cơ cấu nguồn vốn: vốn ngân sách trung ương (NSTW) (chi tiết theo từng nguồn: vốn trong nước, vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài), vốn ngân sách địa phương (NSĐP) (ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã), vốn hợp pháp khác (nếu có);

(5) Dự kiến tiến độ thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư, bao gồm:

- Tiến độ triển khai các thủ tục đầu tư còn lại (nếu chưa đủ thủ tục); tiến độ giải phóng mặt bằng; tiến độ khởi công, thi công, hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng;

- Nhu cầu vốn chi tiết theo từng năm trong giai đoạn 2026 - 2030; xác định cụ thể phân vốn chuyển tiếp sang giai đoạn sau năm 2030 (nếu có);

- Đánh giá khả năng giải ngân tương ứng với tiến độ thực hiện, phù hợp với quy định về thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn. Việc đăng ký nhu cầu vốn phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân thực tế; kiên quyết không để xảy ra tình trạng đăng ký vốn cao để giữ vốn nhưng không có khả năng triển khai, gây lãng phí nguồn vốn ngân sách nhà nước theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

- Đối với dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030: báo cáo tình hình thực hiện, giá trị khối lượng hoàn thành, vốn đã bố trí lũy kế đến hết kế hoạch năm 2025, nhu cầu vốn còn lại để hoàn thành dự án (xác định sát với thực tế triển khai thực hiện dự án, loại bỏ các chi phí dự kiến không thực hiện); đánh giá lại sự cần thiết, tính hiệu quả và khả năng tiếp tục triển khai trong bối cảnh mới;

- Đối với dự án đã chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2021 - 2025 nhưng chưa khởi công thực hiện: rà soát và kiên quyết loại bỏ những dự án kém hiệu quả, dự án chưa thực sự cần thiết, cấp bách, các dự án không còn khả thi, không có khả năng hoàn thành theo đúng chỉ đạo tại Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; đối với dự án tiếp tục đề xuất, phải nêu rõ lý do và kèm hồ sơ pháp lý chứng minh tính khả thi;

- Đối với dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030: Kiên quyết không bố trí vốn đối với các dự án, nhiệm vụ chưa bảo đảm quy định, chưa thực sự cần thiết trong giai đoạn 2026-2030; phân đấu phân bổ tối đa kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030 (chỉ để dự phòng một phần vốn bảo đảm bố trí cho các dự án, nhiệm vụ thực sự cần thiết, phát sinh), **kiên quyết không bố trí vốn cho các dự án đã giao lập đề xuất chủ trương đầu tư nhưng đến thời điểm phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.**

- Về thứ tự ưu tiên bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030: Ưu tiên các dự án, nhiệm vụ bảo đảm mục tiêu phân đấu tăng trưởng “hai con số”, các lĩnh vực quan trọng, cấp thiết bảo đảm an sinh xã hội. Riêng đối với các dự án xây dựng trụ sở làm việc, trung tâm hành chính: các đơn vị quán triệt đầy đủ chỉ đạo tại Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc

tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có, hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới; trường hợp đăng ký nhu cầu đối với nhóm dự án nêu trên phải có báo cáo đánh giá hiện trạng sử dụng trụ sở hiện có, phương án tận dụng, sắp xếp lại trụ sở dôi dư sau sáp nhập đơn vị hành chính và cam kết chịu trách nhiệm của người đứng đầu;

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị chủ đầu tư và các cơ quan liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Chánh VP, Phó CVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Việt).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trung Bá